

Số: 55/NQ-HĐND

Thuận Châu, ngày 19 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu, chi ngân sách địa phương
huyện Thuận Châu năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU
KHOÁ XX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ; các Nghị quyết của HĐND tỉnh Sơn La: số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Sơn La năm 2017, số 93/2019/NQ-HĐND ngày 28/02/2019 sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh, số 139/2020/NQ-HĐND ngày 03/9/2020 kéo dài thời gian thực hiện một số Nghị quyết của HĐND tỉnh sang năm 2021; các Quyết định của UBND tỉnh Sơn La: số 2787/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2021, số 2788/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021;

Xét đề nghị của UBND huyện Thuận Châu tại Tờ trình số 691/TTr-UBND ngày 15/12/2020; Báo cáo thẩm tra số 18/BC-KTXH ngày 17/12/2020 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; Ý kiến thảo luận của các vị Đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021

1. Thu ngân sách:

825.793 triệu đồng.

1.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

52.050 triệu đồng.

- Thu điều tiết ngân sách Trung ương, tỉnh:

6.790 triệu đồng.

- Thu ngân sách địa phương được hưởng:

45.260 triệu đồng.

1.2. Thu bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh:

773.743 triệu đồng.

2. Chi ngân sách địa phương:	819.003 triệu đồng.
2.1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản:	30.210 triệu đồng.
- <i>Nguồn cấp quyền sử dụng đất:</i>	7.650 triệu đồng.
- <i>Chi đầu tư XD CB tập trung:</i>	21.670 triệu đồng.
- <i>Tăng thu ngân sách năm 2021:</i>	890 triệu đồng.
2.2. Chi thường xuyên:	788.793 triệu đồng.
- <i>Chi sự nghiệp kinh tế:</i>	29.096 triệu đồng.
- <i>Chi sự nghiệp giáo dục và Đào tạo:</i>	500.399 triệu đồng.
- <i>Chi sự nghiệp Văn hóa - Thông tin, Thể dục - Thể thao, Truyền thanh - Truyền hình:</i>	5.269 triệu đồng.
- <i>Chi đảm bảo xã hội:</i>	51.467 triệu đồng.
- <i>Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể:</i>	171.188 triệu đồng.
- <i>Chi trung tâm bồi dưỡng chính trị:</i>	2.381 triệu đồng.
- <i>Chi quốc phòng - an ninh:</i>	10.792 triệu đồng.
- <i>Chi khác:</i>	1.287 triệu đồng.
- <i>Dự phòng ngân sách:</i>	16.024 triệu đồng.
- <i>Tăng thu ngân sách chi cải cách tiền lương:</i>	890 triệu đồng.

(Có các phụ lục chi tiết kèm theo)

3. Giải pháp thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021

3.1. Thu ngân sách

- Thực hiện quyết liệt và đồng bộ các giải pháp thu đối với các nguồn thu ngân sách trên địa bàn, tích cực đôn đốc thu nộp và truy thu nộp ngân sách số nợ đọng thuế và các khoản phải nộp khác của doanh nghiệp. Phần đầu dự toán thu trên địa bàn (*không kể thu tiền sử dụng đất*), tăng bình quân tối thiểu 5% so với đánh giá ước thực hiện năm 2020 (*loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách và các khoản thu mới phát sinh*) và tăng cao hơn chỉ tiêu tình giao để tạo nguồn thu đáp ứng các nhiệm vụ chi theo dự toán, nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI và các nhiệm vụ cấp thiết, cấp bách khác.

- Thu ngân sách đảm bảo nguyên tắc: Tích cực, vững chắc và sát với nguồn thu phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn, tăng thu từ tiền sử dụng đất, thu triệt để các khoản thu mới phát sinh; phần đầu giảm nợ thuế dưới 5% thu NSNN trên địa bàn năm 2021. Thực hiện tốt các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và hỗ trợ thị trường, khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng, đấu giá quyền sử dụng đất, bồi dưỡng nguồn thu ngân sách ổn định và bền vững.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại, chuyển giá, trốn thuế, xử lý nợ đọng thuế, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN. Tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế, kiên quyết xử lý, cưỡng chế, thu hồi nợ thuế theo quy định, giảm nợ đọng thuế, định kỳ công khai các doanh nghiệp nợ thuế.

3.2. Chi ngân sách

- Điều hành quyết liệt, quản lý thu chi NSNN năm 2021 tích cực, chủ động, chặt chẽ; đúng quy định, chống lãng phí; nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN, theo dõi sát diễn biến tình hình để có giải pháp phù hợp phấn đấu hoàn thành dự toán được giao. Thực hiện rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi thường xuyên; tiết kiệm triệt để ngay từ khâu phân bổ dự toán và trong quá trình thực hiện; cắt giảm tối đa và công khai các khoản chi khánh tiết, hội nghị, hội thảo, lễ hội, động thổ, khơi công, khánh thành công trình; hạn chế bố trí kinh phí mua sắm trang thiết bị chưa thực sự cần thiết...

- Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW; đẩy mạnh việc đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính theo Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Bố trí và điều hành dự toán chi đầu tư phát triển trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt, phù hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

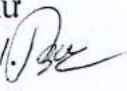
- Dự toán chi thường xuyên bố trí đúng định mức, nguyên tắc, tiết kiệm trên cơ sở yêu cầu tăng tự chủ, tinh giản biên chế và dành nguồn cải cách tiền lương, lương hưu và trợ cấp ưu đãi người có công, đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, tinh giản biên chế nhanh hơn lộ trình để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài chính ngân sách của các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn; quan tâm thực hiện công tác tự kiểm tra, công tác giám sát cộng đồng của nhân dân nhằm nâng cao trách nhiệm của các chủ tài khoản, các đơn vị dự toán trong công tác quản lý, điều hành ngân sách và thực hiện các dự án đầu tư; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các dự án sau đầu tư.

- Đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 và Nghị định số 103/2007/NĐ-CP ngày 14/6/2007 của Chính phủ quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND huyện, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Thuận Châu khoá XX, kỳ họp thứ mười sáu thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày thông qua. 

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Thường trực Huyện uỷ;
- Thường trực HĐND, UBND huyện;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam huyện;
- Các Ban HĐND và Đại biểu HĐND huyện khóa XX;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trong huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TCKH D.Trung 120b. 

CHỦ TỊCH



Thào A Súa

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 19/12/2020 của HĐND huyện Thuận Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán huyện giao năm 2020	Dự toán tỉnh giao năm 2021	Dự toán huyện giao năm 2021	Trong đó			So sánh tỷ lệ (%) DT huyện/DT tỉnh giao 2021	So sánh tỷ lệ (%) DT huyện giao 2020
					Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		
	Tổng cộng	961.025	823.743	825.793	1.710	5.080	819.003	100,2%	85,9%
I	Thu ngân sách tại địa bàn	58.250	50.000	52.050	1.710	5.080	45.260	104,1%	89,4%
1	Thu từ khu vực DN địa phương	140	150	150			150	100,0%	107,1%
2	Thu từ khu vực CTN - NQD	29.750	22.820	24.870		3.730	21.140	109,0%	83,6%
3	Lệ phí trước bạ	6.000	7.800	7.800			7.800	100,0%	130,0%
4	Thu phí và lệ phí	1.700	1.500	1.500			1.500	100,0%	88,2%
5	Thu tiền sử dụng đất	11.000	9.000	9.000		1.350	7.650	100,0%	81,8%
6	Thuế thu nhập cá nhân	2.800	3.100	3.100			3.100	100,0%	110,7%
7	Thu tiền thuê đất, mặt nước	1.450	1.500	1.500			1.500	100,0%	103,4%
8	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	2.233	1.300	1.300	910		390	100,0%	58,2%
9	Thu khác ngân sách	3.177	2.830	2.830	800		2.030	100,0%	89,1%
II	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang (2)	3.076		-					
III	Thu bổ sung cân đối	902.775	773.743	773.743			773.743	100,0%	85,7%

Ghi chú:

Tổng thu ngân sách trên địa bàn không bao gồm:

- Thu học phí: 1.107 triệu đồng.
- Thu sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao, truyền thanh truyền hình: 300 triệu đồng.
- Các khoản thu đóng góp, ủng hộ của các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 19/12/2020 của HĐND huyện Thuận Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán huyện năm 2020	Dự toán năm 2021		Ngân sách huyện	Ngân sách xã	So sánh tỷ lệ (%) DT năm 2020
			Dự toán tỉnh giao	Dự toán huyện giao			
	TỔNG CHI	960.332	817.223	819.003	671.557	147.446	85,3%
I	CHI ĐẦU TƯ XDCB	32.657	29.320	30.210	30.210	-	92,5%
1	Nguồn cấp quyền sử dụng đất	9.350	7.650	7.650	7.650	-	81,8%
2	Chi đầu tư XDCB tập trung	22.182	21.670	21.670	21.670	-	97,7%
3	Tăng thu ngân sách chi đầu tư	1.125		890	890	-	79,1%
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	787.803	787.903	788.793	641.347	147.446	100,1%
1	Chi sự nghiệp kinh tế	33.145	29.096	29.096	28.466	630	87,8%
2	Chi sự nghiệp giáo dục và Đào tạo	486.520	500.399	500.399	499.684	715	102,9%
3	Chi sự nghiệp Văn hóa - Thông tin, Thể dục - Thể thao, Truyền thanh - Truyền hình	5.949	5.269	5.269	4.487	782	88,6%
4	Chi đảm bảo xã hội	53.348	51.467	51.467	42.497	8.970	96,5%
5	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	178.034	171.188	171.188	41.867	129.321	96,2%
6	Chi trung tâm bồi dưỡng chính trị	2.371	2.381	2.381	2.381	-	100,4%
7	Chi quốc phòng - an ninh	10.035	10.792	10.792	6.185	4.607	107,5%
8	Chi khác	1.249	1.287	1.287	1.287	-	103,0%
9	Dự phòng ngân sách	16.027	16.024	16.024	13.603	2.421	100,0%
10	Tăng thu ngân sách chi CCTL	1.125		890	890		
III	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	139.872	-	-	-	-	0,0%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	38.691			-		0,0%
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	97.811			-		0,0%
3	Chương trình mục tiêu (vốn sự nghiệp)	3.370			-		0,0%

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 19/12/2020 của HĐND huyện Thuận Châu

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	961.025	1.277.152	825.793	(451.359)	64,7%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	58.250	60.834	52.050	(8.784)	85,6%
-	Thu NSDP hưởng 100%				-	
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia				-	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	902.775	1.164.489	773.743	(390.746)	66,4%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	902.775	898.041	773.743	(124.298)	86,2%
2	Thu bổ sung có mục tiêu		266.447		(266.447)	
III	Thu viện trợ				-	
IV	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang		3.076		(3.076)	
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		9.750		(9.750)	
VI	Các khoản huy động đóng góp		579		(579)	
VII	Thu kết dư		14.392		(14.392)	
VIII	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		24.032		(24.032)	
B	TỔNG CHI NSDP	960.332	1.277.152	819.003	(141.329)	85,3%
I	Tổng chi cân đối NSDP	820.460	1.127.530	819.003	(1.457)	99,8%
1	Chi đầu tư phát triển (1)	32.657	42.747	30.210	(2.447)	92,5%
2	Chi thường xuyên	771.776	1.063.620	771.879	103	100,0%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)				-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)				-	
5	Dự phòng ngân sách	16.027	21.164	16.024	(3)	100,0%
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			890	890	
II	Chi các chương trình mục tiêu	139.872	139.872	-	(139.872)	0,0%
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				-	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				-	
III	Chi các khoản đóng góp				-	
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên		9.750			
V	Chi điều tiết ngân sách tỉnh				-	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)				-	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)	-	-	-	-	
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				-	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				-	
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP (2)	-	-	-	-	
I	Vay để bù đắp bội chi				-	
II	Vay để trả nợ gốc				-	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 19/12/2020 của HĐND huyện Thuận Châu

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020		Dự toán năm 2021		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	964.101	960.332	825.793	819.003	85,7%	85,3%
I	Thu nội địa	58.250	54.481	52.050	45.260	89,4%	83,1%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	140	140	150	150	107,1%	107,1%
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				-		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	29.750	29.750	24.870	21.140	83,6%	71,1%
5	Thuế thu nhập cá nhân	2.800	2.800	3.100	3.100	110,7%	110,7%
6	Thuế bảo vệ môi trường				-		
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước				-		
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu				-		
7	Lệ phí trước bạ	6.000	6.000	7.800	7.800	130,0%	130,0%
8	Thu phí, lệ phí	1.700	1.700	1.500	1.500	88,2%	88,2%
-	Phí và lệ phí trung ương				-		
-	Phí và lệ phí tỉnh				-		
-	Phí và lệ phí huyện				-		
-	Phí và lệ phí xã, phường				-		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				-		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				-		
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.450	1.450	1.500	1.500	103,4%	103,4%
12	Thu tiền sử dụng đất	11.000	9.350	9.000	7.650	81,8%	81,8%
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				-		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				-		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	2.233	964	1.300	390		

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020		Dự toán năm 2021		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
16	Thu khác ngân sách	3.177	2.327	2.830	2.030	89,1%	87,2%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu						
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu						
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
IV	Thu viện trợ						
V	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang	3.076	3.076	-	-		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	902.775	902.775	773.743	773.743	85,7%	85,7%
1	Thu bổ sung cân đối	902.775	902.775	773.743	773.743	85,7%	85,7%
2	Thu bổ sung có mục tiêu						

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 19/12/2020 của HĐND huyện Thuận Châu

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	960.332	819.003	(141.329)	85,3%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	820.460	819.003	(1.457)	99,8%
I	Chi đầu tư phát triển (1)	32.657	30.210	(2.447)	92,5%
1	Chi đầu tư cho các dự án	32.657	30.210	(2.447)	92,5%
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	9.350	7.650	(1.700)	81,8%
-	Chi đầu tư từ nguồn XDCB	22.182	21.670	(512)	97,7%
-	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách	1.125	890	(235)	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	771.776	772.769	993	100,1%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	486.520	500.399	13.879	102,9%
2	Chi khoa học và công nghệ (2)				
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)				
V	Dự phòng ngân sách	16.027	16.024	(3)	100,0%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	-	-	-
B	CHI ĐIỀU TIẾT NGÂN SÁCH TỈNH		-	-	-
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	139.872	-	(139.872)	0,0%
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	136.502	-	(136.502)	0,0%
1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	38.691	-	(38.691)	
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	97.811	-	(97.811)	0,0%
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	3.370	-	(3.370)	
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				